TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2024/DS-ST
Ngày: 09-9-2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Anh Tài
2. Ông Phạm Văn Đấu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 161/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 310/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 326/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Đoàn Thị H**, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Ấp M, xã H, huyện N, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Quang K, sinh năm 1996 và ông Ngô Nhật T, sinh năm 1995, cùng địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện N, tỉnh B. (văn bản uỷ quyền ngày 14/5/2024).

2. Bị đơn: Bà **Lê Ngọc P**, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Ấp M, xã H, huyện N, tỉnh B.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phạm Ngọc B**, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Ấp M, xã H, huyện N, tỉnh B.

Anh Tân và bà P có mặt tại phiên tòa, anh Khôi và ông B vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản khai của bà Đoàn Thị H, biên bản hoà giải và tại phiên tòa anh Ngô Nhật Tân trình bày:

Bà H có tham gia chơi 04 dây hụi do bà P làm đầu thảo, hụi khi Hng tháng, là hụi có lãi, tất cả 04 dây hụi bà H chưa hốt, do hụi chưa mãn thì bà P tuyên bố vỡ hụi. Căn cứ vào tờ giấy viết tay có tựa đề "Tiền hụi" ghi ngày 05/5/2024 dương lịch giữa chủ hụi Lê Ngọc P và hụi viên Đoàn Thị H thì 04 dây hụi cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: Hụi mở ngày 06/3/2023 âm lịch, loại hụi 5.000.000 đồng, khui Hng tháng, gồm 16 hụi viên, bà H tham gia 01 phần, bà H đóng tiền hụi được 07 tháng hụi sống với số tiền 35.000.000 đồng, số tiền hụi bà H thực đóng của dây này là 21.120.000 đồng.

Dây thứ hai: Hụi mở ngày 20/4/2023 âm lịch, loại hụi 3.000.000 đồng, khui Hng tháng, gồm 15 hụi viên, bà H tham gia 01 phần, bà H đóng tiền hụi được 05 tháng hụi sống với số tiền 15.000.000 đồng, số tiền hụi bà H thực đóng của dây này là 5.580.000 đồng.

Dây thứ ba: Hụi mở ngày 20/4/2023 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, khui Hng tháng, gồm 15 hụi viên, bà H tham gia 01 phần, bà H đóng tiền hụi được 05 tháng hụi sống với số tiền 10.000.000 đồng, số tiền hụi bà H thực đóng của dây này là 6.660.000 đồng.

Dây thứ tư: Hụi mở ngày 20/4/2023 âm lịch, loại hụi 5.000.000 đồng, khui Hng tháng, gồm 16 hụi viên, bà H tham gia 01 phần, bà H đóng tiền hụi được 06 tháng hụi sống với số tiền 30.000.000 đồng, số tiền hụi bà H thực đóng của dây này là 17.470.000 đồng.

Tổng số tiền bà H thực đóng cho bà P của 04 dây hụi trên là 54.670.000 đồng, tổng tiền lãi của 04 dây hùi này là 35.330.000 đồng. Theo tờ giấy viết tay có tựa đề "Tiền hụi" ghi ngày 05/5/2024 dương lịch giữa chủ hụi Lê Ngọc P và hụi viên Đoàn Thị H thì hai bên đã thống nhất số tiền hụi mà bà P và ông B đồng ý trả cho bà H là 90.000.000 đồng, số tiền 90.000.000 đồng này là tiền hụi đã bao gồm lãi. Từ khi chốt nợ cho đến nay bà P và chồng là ông B không trả được khoản tiền nào cho bà H.

Ông B là chồng bà P trong xuyến suốt quá trình bà P tổ chức chơi hụi thì ông B cùng hỗ trợ bà P đề tổ chức chơi hụi, gom tiền hụi, giao tiền hụi. Khi bà H đến nH yêu cầu trả nợ hụi thì ông B cũng có thoả thuận, thương lượng cùng bà P và vợ chồng thống nhất hứa trả tiền nợ hụi cho bà H. Do đó, bà H xác định số tiền nợ hụi này là nợ chung của vợ chồng bà P và ông B.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà P và ông B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền nợ hụi là 90.000.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ tính từ ngày viết tờ giấy tay " Tiền hụi" là ngày 05/5/2024 đến ngày Toà án đưa vụ án ra xét xử với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà bà Lê Ngọc P trình bày:

Bà P có tổ chức chơi hụi và làm đầu thảo hụi đến nay khoảng 10 năm, bà Đoàn Thị Hà tên thường gọi là Năm Em có tham gia chơi nhiều dây hụi do bà P tổ chức. Bà Hà có tham gia chơi 04 dây hụi do bà H làm đầu thảo như bà Hà trình bày trong đơn khởi kiện là đúng, cụ thể:

Dây thứ nhất, mở ngày 06/3/2023 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng, có 16 hụi viên, hụi khui hàng tháng, bà Hà tham gia một phần, đóng được 7 tháng, với số tiền thực đóng là 21.120.000 đồng.

Dây thứ hai, mở ngày 20/4/2023 âm lịch, hụi 3.000.000 đồng, có 15 hụi viên, hụi khui hàng tháng, bà Hà tham gia một phần, đóng được 5 tháng, với số tiền thực đóng là 5.580.000 đồng.

Dây thứ ba, mở ngày 20/4/2023 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng, có 15 hụi viên, hụi khui hàng tháng, bà Hà tham gia một phần, đóng được 6 tháng, với số tiền thực đóng là 6.660.000 đồng.

Dây thứ tư, mở ngày 20/4/2023 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng, có 16 hụi viên, hụi khui hàng tháng, bà Hà tham gia một phần, đóng được 6 tháng, với số tiền thực đóng là 17.470.000 đồng.

Tổng cộng số tiền hụi bà H thực đóng cho bà P của 04 dây hụi nên trên là 54.670.000 đồng. Số tiền 90.000.000 đồng theo nội dung của tờ giấy tay " Tiền hụi" là ngày 05/5/2024 là đã bao gồm thực đóng và tiền lãi tương đương với hốt hụi chót.

Tháng 10/2023 thì bà P vỡ hụi nên không tiếp tục thu tiền hụi của bà Hà nữa. Đến ngày 05/5/2024 dương lịch bà Hà yêu cầu bà P chốt số tiền nợ hụi, bà Hà viết sẵn nội dung chốt nợ hụi là tờ giấy có tự đề " Tiền hụi" ghi ngày 05/5/2024 dương lịch mà bà Hà nộp cho Toà án và yêu cầu bà H ký vào tờ giấy " Tiền hụi" này nên bà H đồng ý ký nhưng lúc này có nói với bà Hà là chỉ đồng ý trả tiền hụi vốn mà bà Hà thực đóng, không đồng ý trả lãi.

Khi thoả thuận chơi hụi thì các bên thống nhất hàng tháng khi hụi tại nhà bà H. Tiền hụi thì bà P đến nhà các hụi viên thu, nhưng cũng có hụi viên đến nhà bà P để đóng tiền hụi, bà Hà cũng có đến nhà bà P để đóng tiền hụi. Việc chơi hụi và thoả thuận với các hụi là do bà P trực tiếp thoả thuận, chồng bà là ông Phạm Ngọc Bảo không trực tiếp thoả thuận, ông B có đi thu tiền dùm bà. Bà P xác định ông Bảo không liên quan gì trong việc chơi hụi giữa bà và bà Hà nên không có nghĩa vụ gì với bà Hà.

Bà P xác định hiện bà còn nợ tiền hụi của bà Hà của bốn dây hụi nêu trên với số tiền thực đóng là 54.670.000 đồng. Bà P chỉ đồng ý trả số tiền nợ hụi thực đóng là 54.670.000 đồng cho bà H, không đồng ý trả lãi, do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 200.000 đồng cho đến khi tất nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Ngọc B vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, ông Phạm Ngọc B không gửi văn bản trình bày ý kiến về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà Hà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Buộc bà Lê Ngọc P và ông Phạm Ngọc B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đoàn Thị H số tiền nợ hụi gốc là 90.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 05/5/2024 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện của bà Đoàn Thị H thì xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Lê Ngọc P có địa chỉ nơi cư trú tại xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Anh Trần Quang Khôi có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Phạm Ngọc B đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến Hnh xét xử vắng mặt anh Khôi và ông B theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền nợ hụi của nguyên đơn Đoàn Thị H:

Theo lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn có cơ sở xác định giữa nguyên đơn Nguyễn Thị H và bị đơn Lê Ngọc P có giao dịch góp hụi, bà P là đầu thảo, bà H là hụi viên. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà Hà và bà Phượng thống nhất số dây hụi, ngày mở hụi, loại hụi mà bà H tham gia như đơn khởi kiện mà bà H trình bày, thống nhất số tiền hụi mà bà H thực đóng cho bà P của các dây hụi này là 54.670.000

đồng, các dây hụi là hụi có lãi, ngày bà P vỡ hụi là tháng 10/2023 và ngưng thu tiền hụi, ngày 05/5/2024 các bên chốt sổ và thống nhất số tiền nợ hụi mà bà P còn nợ của bà H là 90.000.000 đồng là số tiền nợ hụi đã bao gồm lãi nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh đối với các đương sự theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền hụi có lãi là 90.000.00 đồng theo nội dung giấy " Tiền hụi" lập ngày 05/5/2024 giữa các bên; bà P không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn, bà P chỉ đồng trả số tiền hụi mà bà H đã thực đóng là 54.670.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, các bên đều thừa nhận các dây hụi mà bà H khởi kiện đới với bà P là hụi có lãi; bà P cũng thừa nhận nếu tính hụi có lãi thì bà H khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 90.000.000 đồng là đúng; các dây hụi này đã kết thúc do bà P tuyên bố vỡ hụi; quá trình tham gia chơi hụi thì bà H thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của hụi viên, đóng tiền hụi cho P đầy đủ bà P đã hưởng hoa hồng của các hụi viên đầy đủ theo thoả thuận. Bà P yêu cầu được trả số tiền hụi mà bà H thực đóng của các dây hụi này là không phù hợp với thoả thuận của các bên khi chơi hụi, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H nên Hội đồng xét xử không có cở sở chấp nhận yêu cầu này của bà P. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc bà P có nghĩa vụ thanh toán cho bà H số tiền nợ hụi là 90.000.000 đồng, theo quy định tại Điều 15, Điều 19 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

[2.2] Xét yêu cầu trả lãi của nguyên đơn: Hội đồng xét xử xét thấy, bà P tự ý ngưng hụi nên ngoài việc bà P phải giao trả tiền hụi cho bà H thì còn phải trả tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ. Do đó, bà Hà yêu cầu tính lãi từ ngày hai bên chốt tiền nợ hụi là ngày 05/5/2024 đến ngày Toà án đưa vụ án ra xét xử với mức lãi suất là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-Cp ngày 19/02/2019 của Chính phủ nên được chấp nhận. Cụ thể, chấp nhận tính tiền lãi từ ngày 05/5/2024 đến ngày 09/9/2024 như sau: 90.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 04 tháng 05 ngày = 3.112.000 đồng.

[2.3] Về thời hạn trả nợ: Bà P yêu cầu được trả dần số tiền còn nợ bà H nhưng không được bà H đồng ý. Bà P cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh giữa hai bên có thỏa thuận việc bà P được trả dần số nợ hàng tháng hay trả nợ thành nhiều lần và việc trả dần nợ mà bà Phượng yêu cầu thuộc giai đoạn thi Hnh án. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của bà P.

[2.4] Xét yêu cầu của bà H về việc yêu cầu ông Phạm Ngọc B có nghĩa vụ liên đới cùng bà P trả số tiền nợ gốc và lãi:

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với yêu cầu này của nguyên đơn thì quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ

do Toà án thu thập là biên bản lấy lời khai của bà Lê Ngọc P cho ông B biết; Toà án cũng đã triệu tập ông B nhiều lần để tiến Hnh hoà giải, ghi nhận ý kiến của ông B đối với yêu cầu này của nguyên đơn nhưng ông B không chấp Hnh theo giấy triệu tập của Toà án, ông B cũng không có văn bản nào gửi Toà án thể hiện ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà P cũng thừa nhận bà và ông B là vợ chồng, quá trình bà tổ chức chơi hụi thì khui hụi tại nH của bà và ông B; bà H có đến nH bà để đóng tiền hụi; ông B có thu tiền hụi thay cho bà P. Do đó, bà H yêu cầu ông B cùng liên đới nghĩa vụ với bà P trả tiền nợ hụi và tiền lãi cho bà H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà P và ông B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền nợ hụi gốc là 90.000.000 đồng và tiền lãi là 3.112.000 đồng, tổng cộng là 93.112.000 đồng.

Các đương sự không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.655.000 đồng.

[4] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 18, Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường

Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị H cụ thể:

1. Buộc bà Lê Ngọc P và ông Phạm Ngọc B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đoàn Thị H số tiền nợ hụi gốc là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) và tiền lãi là 3.112.000 đồng (ba triệu một trăm mười hai ngàn đồng), tổng cộng là 93.112.000 đồng (chín mươi ba triệu một trăm mười hai ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi Hnh án có quyền chủ động ra quyết định thi Hnh án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi

Hnh án của người được thi Hnh án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi Hnh án) cho đến khi thi Hnh án xong tất cả các khoản tiền, Hng tháng bên phải thi Hnh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hnh án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Lê Ngọc P và ông Phạm Ngọc B có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.655.000 đồng (bốn triệu sáu trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

4. Trường hợp bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, có quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự (3b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre (1b) ;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Lưu HS, VP (3b) TC:9b .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**